

CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN HÓN QUẢN NĂM 2024  
(NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN)

(Kèm theo Báo cáo số 463/BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đvt: Đồng

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
<b>A</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ XDCB</b>	<b>196.500.000.000</b>
-	Chi đầu tư XDCB tập trung	27.500.000.000
-	Công trình dự án từ nguồn thu sử dụng đất	120.000.000.000
-	Vốn xây dựng phòng học	49.000.000.000
<b>B</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>438.673.675.000</b>
<b>I</b>	<b>SỰ NGHIỆP PHÁT THANH</b>	<b>1.450.337.000</b>
<b>1</b>	<b>Đài Truyền thanh - truyền hình huyện</b>	<b>1.450.337.000</b>
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>955.666.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	893.266.000
	- Kinh phí hợp đồng bảo vệ	36.000.000
	- Kinh phí chi trả cho cán bộ sửa chữa loa đài	12.000.000
	- Kinh phí chi hợp đồng phát thanh	14.400.000
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>472.210.000</b>
	- Kinh phí chi trả nhuận bút cho phóng viên, cộng tác viên theo Quyết định 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước (quyết toán theo tin bài thực tế)	124.800.000
	- Kinh phí làm chương trình website	36.400.000
	- Kinh phí làm chuyên mục "Diễn biến hòa bình"	33.120.000
	- Kinh phí thực hiện Kế hoạch phối hợp giữa Đài phát thanh - truyền hình và Báo Bình Phước và UBND huyện Hón Quản	100.000.000
	- Kinh phí kiểm tra, tập huấn các trạm truyền thanh cơ sở	19.250.000
	- Kinh phí sửa chữa thường xuyên thiết bị Đài huyện (Máy quay phim, máy chụp hình, mát phát sóng, ăng ten, micro, các thiết bị chuyên dùng...)	50.000.000
	- Kinh phí đăng các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân và chúc mừng năm mới của huyện với Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước	10.000.000
	- Kinh phí làm chuyên mục "Đảng trong cuộc sống hôm nay"	32.400.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí làm chuyên mục "Cải cách hành chính"	33.120.000
	- Kinh phí làm chuyên mục "Chuyên đổi số"	33.120.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>22.461.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	22.461.000
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO</b>	<b>4.225.109.000</b>
<b>1</b>	<b>Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện</b>	<b>3.825.109.000</b>
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>762.198.000</b>
	- Lương và các khoản có tính chất lương và hoạt động	762.198.000
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>3.044.694.000</b>
	<b>Thẻ dực thể thao</b>	<b>807.818.000</b>
	- Kinh phí thực hiện các hoạt động thể thao	600.000.000
	- Kinh phí tổ chức Lễ phát động tháng hoạt động thẻ dực thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024	32.772.000
	- Kinh phí tham gia giải Bóng đá thiếu niên và Nhi đồng tỉnh Bình Phước năm 2024	122.640.000
	- Kinh phí tổ chức giải Bóng đá Thiếu niên, Nhi đồng U11, U13 trên địa bàn huyện Hớn Quản năm 2024	52.406.000
*	<b>Văn hóa thông tin</b>	<b>2.236.876.000</b>
	- Kinh phí mua bảo hiểm xe tuyên truyền lưu động năm 2024	11.708.000
	- Kinh phí hoạt động cho đội tuyên truyền lưu động (phụ cấp, kinh phí tập luyện, trang phục)	150.000.000
	- Kinh phí đăng kiểm, sửa chữa xe tuyên truyền lưu động	30.000.000
	- Kinh phí tuyên truyền chung và các ngày lễ lớn, nhiệm vụ chính trị	150.000.000
	- Kinh phí chi trả hỗ trợ người quản lý thư viện tại 2 điểm tại xã: 650.000đ/người/điểm* 2 điểm* 12 tháng	15.600.000
	- Kinh phí chi trả hỗ trợ người quản lý thư viện trung tâm	20.400.000
	- Kinh phí tiền điện, kết nối thư viện điện tử 3 điểm, bảo trì máy móc thư viện	22.000.000
	- Kinh phí tổ chức Giao nhận quân	43.481.000
	- Kinh phí tham gia liên hoan đờn ca tài tử tỉnh Bình Phước	64.338.000
	- Kinh phí tham gia Liên hoan tuyên truyền lưu động tỉnh	199.524.000
	- Kinh phí Tổ chức Hội thi " Kể chuyện theo sách hè"	29.825.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí chuyên môn khác (Kinh phí tổ chức mừng đảng, mừng xuân; Liên hoan dân tộc thiểu số, tuyên truyền phát sinh, các hoạt động văn hóa khác)	1.500.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>18.217.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	18.217.000
2	<b>Nhà Thiếu Nhi</b>	<b>400.000.000</b>
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>400.000.000</b>
	- Kinh phí hoạt động chuyên môn khác	400.000.000
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>73.986.944.000</b>
<b>1</b>	<b>SN nông - lâm nghiệp</b>	<b>2.487.831.000</b>
*	<b>Trung tâm dịch vụ nông nghiệp</b>	<b>2.487.831.000</b>
	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>1.812.610.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	937.447.000
	- Kinh phí chi trả lương, phụ cấp, các chế độ liên quan, hỗ trợ công tác phí cho nhân viên xã, thị trấn; nhân viên kiểm soát giết mổ	839.163.000
	- Kinh phí hợp đồng bảo vệ	36.000.000
	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>651.239.000</b>
	- Kinh phí tập huấn kỹ năng chuyển giao khoa học kỹ thuật năm 2024 (13 lớp)	48.750.000
	- Kinh phí thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi năm 2024 (02 đợt)	236.394.000
	- Kinh phí tiêm vaccin phòng chống dịch bệnh Lở mồm long móng năm 2024 (2 đợt/năm) (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	43.134.000
	- Kinh phí tiêm vaccin phòng chống dịch bệnh Tụ huyết trùng năm 2024 (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	17.567.000
	- Kinh phí tiêm vaccin phòng chống dịch bệnh Đại (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	24.807.000
	- Kinh phí tiêm vaccin phòng bệnh Lở mồm long móng và Dịch tả lợn cổ điển cho lợn năm 2024 (2 đợt/năm) (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	41.854.000
	- Kinh phí tiêm vaccin phòng bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò năm 2024 (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	25.025.000
	- Kinh phí tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm năm 2024 (2 đợt/năm) (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	106.854.000
	- Kinh phí tiêm phòng vắc xin Núi cat-xon năm 2024 (2 đợt/năm) (Quyết toán theo mũi tiêm thực tế)	106.854.000
	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>23.982.000</b>

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	23.982.000
<b>2</b>	<b>SN giao thông</b>	<b>3.000.000.000</b>
*	<b>Phòng Kinh tế hạ tầng</b>	<b>3.000.000.000</b>
	<b>Kinh phí thực hiện không tự chủ</b>	<b>3.000.000.000</b>
	- Kinh phí sự nghiệp giao thông khác	3.000.000.000
<b>3</b>	<b>SN kinh tế</b>	<b>17.532.713.000</b>
*	<b>Trung tâm phát triển quỹ đất</b>	<b>1.278.713.000</b>
	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>624.912.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	624.912.000
	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>637.778.000</b>
	- Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc ông Dương Công Hằng	42.778.000
	- Kinh phí thuê đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá đất để thực hiện công tác Bồi thường, GPMB cho các dự án	595.000.000
	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>16.023.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	16.023.000
*	<b>Phòng Kinh tế hạ tầng</b>	<b>16.254.000.000</b>
	<b>Kinh phí thực hiện không tự chủ</b>	<b>16.254.000.000</b>
	- Kinh phí tiền điện thấp sáng trên địa bàn huyện	2.000.000.000
	- Duy trì cây cảnh, chăm sóc cây xanh, thăm cỏ trong công viên, quảng trường tại TTHC huyện Hớn quản năm 2024	8.663.000.000
	- Duy trì chăm sóc cây xanh tuyến đường kết nối Minh Hưng-Đồng Nơ huyện Hớn quản năm 2024	1.591.000.000
	- Kinh phí sự nghiệp kiến thiết thị chính khác	4.000.000.000
<b>4</b>	<b>SN kinh tế khác</b>	<b>50.966.400.000</b>
*	<b>Phòng Tài Nguyên và Môi Trường</b>	<b>966.400.000</b>
	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>966.400.000</b>
	- Kinh phí thống kê đất đai	66.400.000
	- Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	900.000.000
*	<b>Sự nghiệp kinh tế mang tính chất đầu tư</b>	<b>50.000.000.000</b>
<b>IV</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG</b>	<b>155.000.000</b>
*	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>155.000.000</b>
	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>155.000.000</b>
	- Thực hiện tuần lễ NS VSMT	80.000.000
	- Công tác kiểm tra giám sát định kỳ	50.000.000
	- Kinh phí tuyên truyền khác	25.000.000
<b>V</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	<b>45.896.211.000</b>
<b>1</b>	<b>Trung tâm y tế</b>	<b>17.786.211.000</b>
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>13.326.452.000</b>

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Lương và các khoản có tính chất lương, hoạt động	13.326.452.000
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>4.172.258.000</b>
	- Phụ cấp y tế thôn bản năm 2024	660.960.000
	- Truy lĩnh phụ cấp y tế thôn bản năm 2023	56.916.000
	- Kinh phí phụ cấp trực theo Nghị định 73/NĐ-CP năm 2024	300.000.000
	- Truy lĩnh phụ cấp trực theo Nghị định 73/NĐ-CP năm 2023	263.244.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	300.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND tỉnh năm 2024	1.533.600.000
	- Truy lĩnh kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND tỉnh năm 2023	163.400.000
	- Kinh phí Hỗ trợ cộng tác viên dân số	547.020.000
	- Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự năm 2024	150.000.000
	- Kinh phí trợ cấp thôi việc ( Huệ; Phương)	197.118.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>287.501.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	287.501.000
<b>2</b>	<b>Bảo hiểm xã hội</b>	<b>28.110.000.000</b>
	- Kinh phí BHXH cho các đối tượng	28.110.000.000
<b>VI</b>	<b>SỰ NGHIỆP GD - ĐT và DẠY NGHỀ</b>	<b>228.242.753.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp giáo dục</b>	<b>225.559.944.000</b>
-	<b>Kinh phí giáo dục (Các trường học)</b>	<b>221.703.404.000</b>
*	Khối Mầm non	49.598.789.000
*	Khối Tiểu học	48.628.870.000
*	Khối Tiểu học & THCS	90.545.882.000
*	Khối Trung học cơ sở	32.929.863.000
-	<b>Phòng Giáo dục &amp; Đào tạo</b>	<b>2.856.540.000</b>
	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.856.540.000</b>
*	<b>Kinh phí khối Mầm non</b>	<b>46.000.000</b>
	- Kinh phí tập huấn bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên năm 2024	46.000.000
*	<b>Kinh phí khối Tiểu học</b>	<b>192.861.000</b>
	- Kinh phí chuyên môn	40.000.000
	- Kinh phí giao lưu Tiếng Việt dành cho học sinh dân tộc thiểu số cấp huyện năm học 2023-2024	40.119.000
	- Kinh phí tổ chức hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện năm học 2023 - 2024	112.742.000
*	<b>Kinh phí khối THCS</b>	<b>447.879.000</b>
	- Kinh phí chuyên môn	80.000.000
	- Kinh phí Hội thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện và bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2022 - 2023	68.803.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí Hội thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện và bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2023-2024	245.866.000
	- Kinh phí hoàn thiện, quản lý và cấp phát bằng tốt nghiệp	3.310.000
	- Kinh phí thi học sinh giỏi cấp THCS cấp tỉnh năm học 2023-2024	49.900.000
<b>*</b>	<b>Kinh phí hoạt động chuyên môn khác</b>	<b>2.169.800.000</b>
	- Kinh phí thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục trên địa bàn huyện năm 2024	1.167.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp năm học 2022-2023	99.360.000
	- Kinh phí hỗ trợ trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp HKII năm học 2023-2024 và HKI năm học 2024-2025	201.440.000
	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP năm học 2023-2024	390.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP năm học 2024-2025	312.000.000
<b>-</b>	<b>Phòng Lao động thương binh và xã hội</b>	<b>1.000.000.000</b>
	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.000.000.000</b>
	- Kinh phí miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP năm 2024	500.000.000
	- Kinh phí miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP năm 2023	500.000.000
<b>2</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	<b>2.682.809.000</b>
<b>*</b>	<b>Phòng Nội vụ</b>	<b>100.000.000</b>
	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>100.000.000</b>
	- Kinh phí chi trả cho các đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng	100.000.000
<b>*</b>	<b>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên</b>	<b>1.701.316.000</b>
	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>1.084.827.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	1.048.827.000
	- Kinh phí hợp đồng nhân viên bảo vệ	36.000.000
	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>590.684.000</b>
	- Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng	100.000.000
	- Kinh phí chi 09 đối tượng khuyết tật tham gia học lớp nghề kỹ thuật chăn nuôi trâu bò năm 2023 tại xã Thanh An	14.604.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí chi trả lương giáo viên hợp đồng năm 2023 (HK II năm học 2023-2024 và HK I năm học 2024-2025) theo Công văn số 195/UBND-NC ngày 05/02/2021 của UBND huyện	476.080.000
	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>25.805.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	25.805.000
*	<b>Trung tâm bồi dưỡng chính trị</b>	<b>881.493.000</b>
	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>520.057.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	520.057.000
	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>350.000.000</b>
	- Kinh phí đào tạo các lớp bồi dưỡng	300.000.000
	- Kinh phí trang bị 02 máy vi tính	30.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy scan 02 mặt	10.000.000
	- Kinh phí bảo dưỡng, vệ sinh máy lạnh, âm thanh	10.000.000
	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>11.436.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	11.436.000
<b>VII</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>17.604.875.000</b>
<b>1</b>	<b>Phòng Lao động Thương binh &amp; Xã hội</b>	<b>17.604.875.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện không tự chủ</b>	<b>17.604.875.000</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí công tác thực hiện chính sách người có công</b>	<b>737.890.000</b>
	- Tiền công cán bộ quản trang và HĐ bảo vệ tại Nghĩa trang liệt sỹ (02 người)	107.890.000
	- Kinh phí hỗ trợ tiền tết cho cán bộ quản trang (02 người)	4.000.000
	- Kinh phí thực hiện chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ	72.000.000
	- Kinh phí dọn vệ sinh trong khuôn viên nghĩa trang	54.000.000
	- Kinh phí công tác quản lý nghĩa trang	200.000.000
	- Kinh phí công tác thực hiện chính sách người có công	300.000.000
<b>b</b>	<b>Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP năm 2024</b>	<b>15.900.000.000</b>
<b>c</b>	<b>Đảm bảo xã hội khác</b>	<b>766.985.000</b>
<b>c</b>	<b>Kinh phí mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội năm 2023</b>	<b>200.000.000</b>
<b>VIII</b>	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>49.244.650.000</b>
<b>a</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	<b>26.234.823.000</b>
<b>1</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND</b>	<b>8.874.929.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.967.353.000</b>

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	2.954.549.000
	- Kinh phí chi trả phụ cấp kiêm nhiệm chủ tịch Hội Khuyến học	18.326.000
	- Kinh phí lương hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (01 biên chế) tháng 12 năm 2023	(5.522.000)
<b>*</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>5.844.311.000</b>
	- Kinh phí chi phục vụ hoạt động HĐND theo NQ 10/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Phước.	475.000.000
	- Hoạt động phí ĐBHNND cấp huyện NQ 10/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Phước.	241.920.000
	- Phụ cấp các chức danh không chuyên trách (NQ 10/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Phước)	103.000.000
	- Kinh phí lương hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (01 biên chế) tháng 12 năm 2023 và năm 2024	405.897.000
	- Kinh phí hoạt động khác của HĐND huyện	200.000.000
	- Kinh phí may trang phục cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân theo Thông tư số: 03/2016/TT-TTCP ngày 29/12/2016 của Thanh tra Chính phủ	13.890.000
	- Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	28.000.000
	- Kinh phí tặng quà nhân dịp Tết Nguyên năm 2024	99.000.000
	- Nước sinh hoạt trụ sở	66.000.000
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh khuôn viên UBND huyện	588.341.000
	- Kinh phí hoạt động chi bộ	25.708.000
	- Kinh phí bảo hiểm trụ sở	33.379.000
	- Kinh phí bảo hiểm xe	25.000.000
	- Tiền điện	450.000.000
	- Tiền nhiên liệu	200.000.000
	- Phụ cấp Một cửa	25.200.000
	- Phụ cấp tiếp công dân	60.000.000
	- Kinh phí tiếp khách	600.000.000
	- Kinh phí cước hệ thống Internet và hệ thống HN, tem, chuyển phát nhanh, đặt báo	53.976.000
	- Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ, mực in, mực photocopy, tài liệu, bìa thư, mực in, mực phô tô, sổ sách, tài liệu chuyên môn....	1.000.000.000
	- Kinh phí các hoạt động chuyên môn khác (Chi đoàn ra, đoàn vào; sửa xe ô tô; sửa chữa tài sản, sửa các hạng mục công trình nhỏ...)	1.000.000.000
	- Kinh phí bảo dưỡng hệ thống điện, máy lạnh, PCCC	150.000.000



STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>63.265.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	63.265.000
<b>2</b>	<b>Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng</b>	<b>1.859.602.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>725.288.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	725.288.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.118.287.000</b>
	- Kinh phí hoạt động chi bộ	26.107.000
	- Kinh phí kiểm tra trật tự xây dựng	90.000.000
	- Kinh phí triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn huyện	255.180.000
	- Kinh phí đi kiểm tra cầu, đường giao thông hư hỏng	35.000.000
	- Kinh phí khoa học công nghệ	150.000.000
	- Kinh phí đoàn kiểm tra công tác quản lý xây dựng trên địa bàn huyện	25.000.000
	- Kinh phí lập quy hoạch chung Đô thị Đồng Nơ	400.000.000
	- Kinh phí kiểm tra lưới điện trên địa bàn huyện	30.000.000
	- Kinh phí tổ chức gặp mặt Doanh nghiệp, Doanh nhân tiêu biểu nhân ngày Doanh nhân Việt Nam năm 2023	107.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>16.027.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	16.027.000
<b>3</b>	<b>Phòng Tư pháp</b>	<b>727.241.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>445.907.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	445.907.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>271.500.000</b>
	- Kinh phí công tác chuyên môn khác	200.000.000
	- Kinh phí mua sổ hộ tịch, biểu mẫu cấp cho 13 xã	71.500.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>9.834.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	9.834.000
<b>4</b>	<b>Thanh tra huyện</b>	<b>1.027.189.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>678.180.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	678.180.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>336.123.000</b>
	- Kinh phí chi trả 1 hợp đồng nhân viên bảo vệ	36.000.000
	- Kinh phí hoạt động chi bộ	14.700.000
	- Phụ cấp giải quyết đơn thư, khiếu nại (NQ 55/2017/NQ-HDND)	52.800.000
	- Kinh phí tiếp công dân theo (NQ 55/2017/NQ-HDND)	24.960.000
	- Kinh phí trang phục ngành (Thông tư 73/2015/TTLT-BTC-TTCT)	27.663.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí chuyên môn khác	120.000.000
	- Kinh phí trang bị 04 máy vi tính	60.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>12.886.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	12.886.000
<b>5</b>	<b>Phòng Lao động Thương binh &amp; Xã hội</b>	<b>1.254.670.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>861.123.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	842.636.000
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động năm 2023	18.487.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>375.016.000</b>
	- Kinh phí hoạt động chi bộ	24.016.000
	- Kinh phí vì sự tiến bộ phụ nữ	150.000.000
	- Kinh phí tuyên truyền học nghề cho lao động nông thôn	10.000.000
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động tháng hành động phòng chống ma túy	30.000.000
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động tuần lễ ATVSLĐ - PCCN	35.000.000
	- Kinh phí hòa giải viên lao động	26.000.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	100.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>18.531.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	18.531.000
<b>6</b>	<b>Phòng Văn hóa Thông tin</b>	<b>1.152.024.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>514.928.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	514.928.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>625.780.000</b>
	- Kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở	23.700.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	300.000.000
	- Kinh phí các đoàn kiểm tra liên ngành	50.000.000
	- Kinh phí tổ chức Lễ công bố quyết định và trao bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh chùa Đức Minh; Thành đất hình tròn Tân Hưng 3 năm 2023	40.500.000
	- Kinh phí tổ chức tập huấn triển khai Luật Phòng chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện năm 2023	14.580.000
	- Kinh phí thuê tên miền Website năm 2024 và nâng cấp giao diện Website	35.000.000
	- Kinh phí chi trả nhuận bút Website	130.000.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí thuê tên miền (Domain) và dung lượng lưu trữ chất lượng cao (hosting) năm cho các xã thị trấn	32.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>11.316.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	11.316.000
<b>7</b>	<b>Phòng Giáo dục - Đào tạo</b>	<b>1.537.101.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.156.464.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	1.156.464.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>355.589.000</b>
	- Kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở	14.269.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	100.000.000
	- Kinh phí chi trả nhân viên bảo vệ	43.680.000
	- Kinh phí tổ chức ngày hiến chương nhà giáo 20-11	18.000.000
	- Kinh phí tổng kết năm học	10.000.000
	- Kinh phí thăm và tặng quà các trường nhân ngày khai giảng năm học 2023-2024	9.000.000
	- Kinh phí thăm và tặng quà các trường nhân ngày khai giảng năm học 2024-2025	37.000.000
	- Kinh phí khai mạc tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2023	28.400.000
	- Kinh phí kiểm tra duy trì đạt chuẩn XMC-PCGD của Ban Chỉ đạo cấp huyện	11.880.000
	- Kinh phí viết và chấm sáng kiến cấp huyện	73.000.000
	- Kinh phí tổng kết cuộc vận động ngày toàn dân đưa trẻ đến trường năm học 2023-2024 và triển khai kế hoạch năm học 2024-2025	10.360.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>25.048.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	25.048.000
<b>8</b>	<b>Phòng Tài chính - Kế hoạch</b>	<b>1.653.130.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>838.029.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	838.029.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>796.720.000</b>
	- Kinh phí công tác hội nghị và khóa sổ cuối năm	50.000.000
	- Kinh phí lập và công bố dự toán đầu năm	40.000.000
	- Kinh phí lập và công bố dự toán 06 tháng năm	50.000.000
	- Kinh phí chi trả đường truyền Tabims	50.000.000
	- Kinh phí khảo sát lập báo cáo KTXH năm 2025	30.000.000
	- Kinh phí phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2023	40.000.000

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	- Kinh phí ban chỉ đạo Kinh tế - Hợp tác	100.000.000
	- Kinh phí Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự	50.000.000
	- Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	50.000.000
	- Kinh phí hội đồng điều chỉnh hệ số giá đất năm 2025	80.000.000
	- Kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở	16.720.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	200.000.000
	- Kinh phí Ban chỉ đạo 167	40.000.000
<b>*</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>18.381.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	18.381.000
<b>9</b>	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>1.312.837.000</b>
<b>*</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>925.528.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	925.528.000
<b>*</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>367.085.000</b>
	- Kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở	20.405.000
	- Kinh phí chi trả lương hợp đồng bảo vệ	43.680.000
	- Kinh phí công tác chuyên môn khác	138.000.000
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	150.000.000
	- Phụ cấp giải quyết đơn thư, khiếu nại (NQ 55/2017/NQ-HDND)	15.000.000
<b>*</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>20.224.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	20.224.000
<b>10</b>	<b>Phòng Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>1.820.548.000</b>
<b>*</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>807.217.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	807.217.000
<b>*</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>995.585.000</b>
	- Kinh phí hoạt động của chi bộ	32.789.000
	- Kinh phí hoạt động phòng chống thiên tai và TKCN 2023	188.000.000
	- Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành gia súc, gia cầm (3 đợt/năm)	36.600.000
	- Kinh phí đoàn kiểm tra các cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (3 đợt/năm)	37.740.000
	- Kinh phí tổ chức họp mặt trang trại doanh nghiệp	230.000.000
	- Kinh phí thực hiện chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững	54.348.000
	- Kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm	33.000.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí triển khai dự án trồng, chăn nuôi xen canh dưới tán điều năm 2023 - 2024 trên địa bàn huyện (Theo Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 08/8/2023)	231.000.000
	- Kinh phí Tổ kiểm tra xác minh hiện trạng đất để thanh lý hợp đồng giao khoán	26.160.000
	- Kinh phí tổ chức Lễ trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp sinh nhật Bác	71.000.000
	- Kinh phí duy trì vùng an toàn dịch bệnh	54.948.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>17.746.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	17.746.000
<b>11</b>	<b>Phòng Nội vụ</b>	<b>3.811.007.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.432.185.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	1.432.185.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.345.615.000</b>
	- Kinh phí chi trả lương 1 hợp đồng bảo vệ	43.680.000
	- Kinh phí thi đua khen thưởng	1.000.000.000
	- Kinh phí công tác tôn giáo	200.000.000
	- Kinh phí chiến lược phát triển thanh niên	100.000.000
	- Kinh phí chỉnh lý tài liệu hành chính	400.000.000
	- Kinh phí công tác chuyên môn	200.000.000
	- Kinh phí trao quyết định nhân sự	20.000.000
	- Kinh phí trang bị hệ thống PCCC	47.000.000
	- Kinh phí chiến lược phát triển thanh niên năm 2023	7.500.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2023	24.400.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023	21.275.000
	- Kinh phí lương hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ( 01 biên chế) tháng 12 năm 2023 và năm 2024	47.320.000
	- Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp thôi việc (ông Lê Văn Anh)	154.440.000
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023	80.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>33.207.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	33.207.000
<b>12</b>	<b>Phòng Dân tộc</b>	<b>1.204.545.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>516.918.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	516.918.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>676.267.000</b>

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	- Kinh phí chi trả lương 1 hợp đồng bảo vệ (Công văn 203/UBND-NC ngày 08/02/2021)	43.680.000
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh	12.000.000
	- Kinh phí công tác dân quân tự vệ tại chỗ khối HĐND-UBND	82.125.000
	- Kinh phí sửa chữa nhỏ và bảo trì điện, nước trụ sở dùng chung	10.000.000
	- Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu các DTTS huyện Hớn Quản lần thứ III năm 2024	200.000.000
	- Kinh phí đưa già làng, người có uy tín tham quan học tập kinh nghiệm (theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính Phủ và Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước) - dự kiến 40 người	92.000.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động và họp mặt Già làng tiêu biểu, Người có uy tín nhân dịp đầu năm	10.350.000
	- Kinh phí thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết của các dân tộc thiểu số và thăm hỏi, hỗ trợ vật chất khi ốm đau, kinh phí mua thẻ BHYT, xăng xe cho già làng tiêu biểu xuất sắc và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính Phủ và Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước)	214.112.000
	- Kinh phí tổ chức thăm, tặng quà nhà trường và học sinh DTTS học tại trường THCS Dân tộc nội trú Bình Long nhân dịp khai giảng.	12.000.000
<b>*</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>11.360.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	11.360.000
<b>b</b>	<b>KHỐI ĐĂNG</b>	<b>11.835.773.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>6.247.703.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Văn phòng Huyện ủy</b>	<b>2.170.954.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	2.170.954.000
<b>1.2</b>	<b>Ban Tổ chức</b>	<b>986.342.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	986.342.000
<b>1.3</b>	<b>Ủy ban Kiểm tra</b>	<b>1.090.314.000</b>
	- Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, hoạt động	1.090.314.000
<b>1.4</b>	<b>Ban Dân vận</b>	<b>821.945.000</b>

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	821.945.000
<b>1.5</b>	<b>Ban Tuyên giáo</b>	<b>788.208.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	788.208.000
<b>1.6</b>	<b>Hợp đồng nhân viên lao động</b>	<b>389.940.000</b>
<b>2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>	<b>5.483.836.000</b>
<b>2.2</b>	<b>Chi đảm bảo của Tổ chức Đảng</b>	<b>1.869.418.000</b>
<b>2.2.1</b>	<b>Phụ cấp Ban chấp hành</b>	<b>349.120.000</b>
<b>2.2.2</b>	<b>Kinh phí đặt báo cho các chi bộ thuộc huyện</b>	<b>200.000.000</b>
<b>2.2.3</b>	<b>Kinh phí hoạt động chi bộ cơ sở</b>	<b>93.982.000</b>
	- Chi bộ Văn phòng Huyện ủy	17.745.000
	- Chi bộ Ban Tổ chức Huyện ủy	16.732.000
	- Chi bộ Ủy ban kiểm tra Huyện ủy	17.080.000
	- Chi bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy	16.061.000
	- Chi bộ Nông trại Phú Gia	26.364.000
<b>2.2.4</b>	<b>Kinh phí chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, đoàn kiểm tra giám sát, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo...</b>	<b>1.126.316.000</b>
	BCĐ quản chúng liên ngành năm 2023	28.231.000
<b>2.2.5</b>	<b>Hoạt động Ban thường vụ</b>	<b>100.000.000</b>
<b>2.3</b>	<b>Các khoản chi đảm bảo nhiệm vụ đặc thù</b>	<b>3.614.418.000</b>
<b>2.3.1</b>	<b>- Kinh phí chi các hoạt động đối ngoại (chi đoàn ra, đoàn vào ...); sửa chữa bảo trì ô tô, sửa chữa các hạng mục công trình nhỏ</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>2.3.2</b>	<b>- Kinh phí xuất bản, chi nghiên cứu các chuyên đề, đề án, phổ biến quán triệt nghị quyết, Đại hội đảng các cấp, hội nghị cán bộ, ...</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>2.3.3</b>	<b>Kinh phí thực hiện chính sách cán bộ, các đối tượng có công với nước và các khoản chi đặc biệt khác</b>	<b>200.000.000</b>
<b>2.3.4</b>	<b>Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức của Đảng</b>	<b>388.440.000</b>
<b>2.3.5</b>	<b>Mua sắm, sửa chữa tài sản cho Văn phòng Huyện ủy và 4 Ban xây dựng Đảng</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>2.3.6</b>	<b>Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>25.978.000</b>
	- Thuê đường truyền nội bộ	25.978.000
<b>3</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>104.234.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	104.234.000
<b>c</b>	<b>ĐOÀN THỂ</b>	<b>11.174.054.000</b>
<b>1</b>	<b>Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc</b>	<b>2.013.453.000</b>
<b>*</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>725.331.000</b>

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	725.331.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.274.381.000</b>
	- Kinh phí thực hiện đề án 01: Đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của MTTQ và các đoàn thể ấp, sóc, khu phố để tạo nguồn giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng	291.500.000
	- Kinh phí chi trả 1 hợp đồng nhân viên bảo vệ, 01 hợp đồng nhân viên vệ sinh	87.360.000
	- Kinh phí tổ chức kỷ niệm 93 năm ngày truyền thống MTTQVN, chào mừng Đại hội MTTQ Việt Nam, tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2023	50.000.000
	- Kinh phí tham dự ngày hội cán bộ Mặt trận khu dân cư cấp tỉnh năm 2023	127.600.000
	- Kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở	24.921.000
	- Kinh phí thanh toán tiền điện dùng chung khối đoàn thể huyện	12.000.000
	- Kinh phí sửa chữa nhỏ thiết bị dùng chung khối đoàn thể huyện	15.000.000
	- Kinh phí băng rôn, biểu ngữ, trang trí lễ tết khối đoàn thể	10.000.000
	- Kinh phí Đại hội MTTQVN huyện nhiệm kỳ 2024-2029	200.000.000
	- Kinh phí chăm sóc, cắt tỉa, tưới cây, bón phân cây xanh Khối đoàn thể	106.000.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	350.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>13.741.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	13.741.000
	<b>2 Huyện đoàn</b>	<b>1.456.572.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>625.525.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động (5 biên chế)	625.525.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>819.166.000</b>
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động Chiến dịch Xuân tình nguyện năm 2024	16.000.000
	- Kinh phí tổ chức ngày hội Bánh chưng xanh huyện Hớn Quản năm 2024	39.605.000
	- Kinh phí tổ chức lễ hội ẩm thực đường phố chào xuân Giáp Thìn 2024	32.560.000
	- Kinh phí hội trại tổng quân huyện Hớn Quản năm 2024	73.000.000
	- Kinh phí thực hiện Đề án tuyên truyền "Tự hào lịch sử Việt Nam" cho thanh thiếu nhi huyện Hớn Quản	90.000.000
	- Kinh phí Tổ chức Đại hội LHTN Việt Nam nhiệm kỳ 2024-2029	200.000.000
	- Kinh phí lễ Thập nền tri ân các anh hùng, liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2024)	30.681.000
	- Kinh phí đêm hội trăng rằm huyện Hớn Quản năm 2024	29.220.000
	- Kinh phí họp mặt kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3/1931 -26/3/2024	8.100.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	300.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>11.881.000</b>



STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	11.881.000
<b>3</b>	<b>Hội Liên hiệp Phụ nữ</b>	<b>1.052.974.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>626.143.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động (4 biên chế)	626.143.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>415.020.000</b>
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên Đán	36.780.000
	- Kinh phí các hoạt động cấp tỉnh năm 2024	28.000.000
	- Kinh phí tổ chức kỷ niệm ngày 8/3/2024	32.600.000
	- Kinh phí thực hiện đề án 938, 939	75.540.000
	- Kinh phí kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	32.100.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	210.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>11.811.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	11.811.000
<b>4</b>	<b>Hội Nông dân</b>	<b>1.190.996.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>721.782.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động (4 biên chế)	721.782.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>455.500.000</b>
	- Kinh phí chuyên môn khác	350.000.000
	- Kinh phí cho công tác dân quân tự vệ tại chỗ khối huyện ủy – đoàn thể năm 2024	74.500.000
	- Kinh phí tham dự "An toàn giao thông" cấp tỉnh năm 2023	27.000.000
	- Kinh phí sơ kết 3 năm phong trào thi đua "Nông dân Bình Phước thi đua lao động, SX -KDG chung tay xây dựng NTM" giai đoạn 2021 - 2023 và biểu dương, tôn vinh khen thưởng nông dân SX - KDG; Sản phẩm Nông nghiệp tiêu biểu, chất lượng cao tỉnh Bình Phước năm 2023	4.000.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>13.714.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	13.714.000
<b>5</b>	<b>Quỹ hỗ trợ nông dân</b>	<b>500.000.000</b>
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>500.000.000</b>
	- Kinh phí hỗ trợ quỹ nông dân	500.000.000
<b>6</b>	<b>Hội Cựu chiến binh</b>	<b>973.418.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>491.936.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động (3 biên chế)	491.936.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>472.230.000</b>
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị các hoạt động các phong trào, cuộc vận động ký kết phát động thi đua mừng đảng mừng xuân.	10.090.000
	- Kinh phí tổ chức Đại hội thi đua "CCB gương mẫu" giai đoạn 2019-2024	69.280.000
	- Kinh phí trang bị 02 máy vi tính	30.000.000

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	- Kinh phí trang bị 01 máy scan	10.000.000
	- Kinh phí hoạt động Câu Lạc Bộ "Ông kể cháu nghe"	30.000.000
	- Kinh phí thăm, động viên thanh niên nhập ngũ	13.490.000
	- Kinh phí hoạt động Hội CCB khối cơ quan	29.050.000
	- Kinh phí Tổ chức hội thi tiếng hát CCB chào mừng Đại hội thi đua.	21.040.000
	- Kinh phí chuyên môn khác	150.000.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua "CCB gương mẫu" cụm thi đua số 2 năm 2023	7.390.000
	- Kinh phí đi cơ sở bàn giao nhà nghĩa tình CCB"cho hội viên có hoàn cảnh khó khăn năm 2023	2.090.000
	- Kinh phí đi cơ sở kiểm tra giám sát phân biện xã hội với MTTQ và các cơ quan năm 2023	1.090.000
	- Kinh phí hội nghị sơ kết công tác thi đua cụm năm 2023	7.530.000
	- Kinh phí Hội nghị tuyên truyền phổ biến Luật giao thông đường bộ; vận động hội viên tăng cường phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội năm 2023	14.750.000
	- Kinh phí tham dự tập huấn cán bộ chủ chốt tại tỉnh năm 2023	10.760.000
	- Kinh phí Hội nghị tổng kết công tác Hội năm 2023	12.580.000
	- Kinh phí tham dự họp mặt nữ CCB tiêu biểu nhân dịp 20/10 tại Phước Long năm 2023	10.480.000
	- Kinh phí tham dự Họp mặt Thương bệnh binh tiêu biểu nhân ngày 27/7 tại Bà Rịa năm 2023	4.980.000
	- Kinh phí thăm, tặng quà cho Thương bệnh binh, thân nhân Liệt sỹ, người có công tiêu biểu nhân kỷ niệm 76 năm ngày 27/7 năm 2023	22.090.000
	- Kinh phí tham gia các hoạt động cấp tỉnh năm 2023	10.000.000
	- Kinh phí đi cơ sở tổ chức hội nghị trao tặng tập vở cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn năm 2023	5.540.000
<b>*</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>9.252.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	9.252.000
<b>7</b>	<b>Hội Chữ Thập Đỏ huyện</b>	<b>842.653.000</b>
<b>*</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>465.121.000</b>
	- Lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động (4 biên chế)	465.121.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>365.661.000</b>
	- Kinh phí tổ chức 04 đợt Hiến máu tình nguyện năm 2024	86.640.000
	- Kinh phí kiểm tra công tác Hội chữ thập đỏ cơ sở 2 lần/ năm	26.240.000
	- Kinh phí tham gia lớp tập huấn công tác Chữ thập đỏ tại tỉnh (5 ngày)	30.000.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác vận động Hiến máu tình nguyện năm 2023	20.150.000
	- Kinh phí tổ chức hội thi kiến thức sơ cấp cứu, luật hoạt động chữ thập đỏ, an toàn giao thông đường bộ năm 2023	-
	- Kinh phí tổ chức chiến dịch những giọt máu hồng hè năm 2024	11.800.000
	- Kinh phí tổ chức đưa đón đoàn bệnh nhân nghèo đi khám mổ mắt miễn phí tại Đồng Xoài	9.500.000
	- Kinh phí tổ chức tiếp đón đoàn khám chữa bệnh, cấp quà miễn phí cho nhân dân nghèo trong toàn huyện	39.000.000
	- Kinh phí đi giao ban cụm Chữ thập đỏ Miền Đông Nam Bộ	5.000.000
	- Kinh phí tổ chức đoàn vận động quà tết nguyên đán	10.000.000
	- Kinh phí kiểm tra thực hiện "Dự án ngân hàng bò" trên địa bàn huyện	10.000.000
	- Kinh phí khảo sát các đối tượng khó khăn trong toàn huyện	6.300.000
	- Kinh phí lễ phát động tháng nhân đạo	9.825.000
	- Kinh phí tổ chức Hội chợ nhân đạo năm 2024	14.250.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	12.890.000
	- Kinh phí hoạt động chi bộ	32.751.000
	- Kinh phí trang bị 02 máy vi tính	30.000.000
	- Kinh phí tổ chức Tổng kết công tác Hội chữ thập đỏ	11.315.000
*	<b>Nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>11.871.000</b>
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	11.871.000
<b>8</b>	<b>Hội cựu thanh niên xung phong</b>	<b>409.469.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>203.184.000</b>
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	203.184.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>206.285.000</b>
	- Kinh phí kiểm tra, giám sát	6.000.000
	- Kinh phí Hội nghị kỷ niệm ngày truyền thống lực lượng TNXP Việt Nam và sơ kết công tác Hội 6 tháng đầu năm	29.810.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí khảo sát, vận động hỗ trợ xây nhà mới, sửa chữa nhà ở cho hội viên có hoàn cảnh khó khăn, khó khăn về nhà ở	13.900.000
	- Kinh phí tổ chức "Ngày hội xuân ấm áp tình yêu thương" và "Ngày hội bánh chưng" nhân dịp Tết cổ truyền cho hội viên Cựu TNXP có hoàn cảnh khó khăn	24.300.000
	- Kinh phí tham gia Hội trại "Thấp lửa truyền thống"	25.200.000
	- Kinh phí tổ chức "Hành trình về nguồn" tại Ngã ba Đồng Lộc - Hà Tĩnh	25.700.000
	- Kinh phí thăm hỏi nữ Cựu TNXP cô đơn, khó khăn nhân ngày phụ nữ Việt Nam	14.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 1 máy in	10.000.000
	- Kinh phí tham dự Hội nghị tập huấn công tác Hội và chương trình gặp mặt nhân dịp kỷ niệm 93 năm ngày Phụ nữ Việt Nam năm 2023	2.100.000
	- Kinh phí tham gia Hội nghị sơ kết phong trào thi đua "Cựu TNXP nêu gương sáng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" giai đoạn 2022-2025 (năm 2023)	3.500.000
	- Kinh phí Tổ chức Sơ kết phong trào thi đua "Cựu TNXP nêu gương sáng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" giai đoạn 2022-2025 (năm 2023)	18.875.000
	- Kinh phí Hội nghị Tổng kết công tác Hội năm 2024	17.900.000
<b>9</b>	<b>Hội Đông y</b>	<b>359.090.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>171.490.000</b>
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	171.490.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>187.600.000</b>
	- Kinh phí tổng kết công tác Hội năm 2023	20.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy in	10.000.000
	- Kinh phí tổ chức Lễ dâng hương báo công giỗ tổ Hải thượng Lãn Ông lần thứ 233	33.900.000
	- Kinh phí khám chữa bệnh nhân đạo miễn phí	26.800.000
	- Kinh phí tổ chức hội thảo khoa học	17.850.000
	- Kinh phí kiểm tra hoạt động công tác Hội HDY cơ sở	5.200.000
	- Kinh phí tham gia họp giao ban Ban chấp hành Hội Đông y	10.000.000
	- Kinh phí tổng kết công tác Hội năm 2024	20.000.000
	- Kinh phí tổ chức kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Hội Đông y Việt Nam	28.850.000
<b>10</b>	<b>Hội khuyến học</b>	<b>274.709.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>179.709.000</b>
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	179.709.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>95.000.000</b>
	- Kinh phí trang bị 01 máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 1 máy in	10.000.000
	- Hỗ trợ kinh phí chuyên môn khác	70.000.000
<b>11</b>	<b>Hội người cao tuổi</b>	<b>427.234.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>203.184.000</b>
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	203.184.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>224.050.000</b>
	- Kinh phí trang bị 01 máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy in	10.000.000
	- Kinh phí tổ chức liên hoan "Tiếng hát Người Cao tuổi" của 13 xã, thị trấn nhân ngày Quốc tế Người Cao tuổi 1/10 và tháng hành động vì Người Cao tuổi năm 2023	35.000.000
	- Kinh phí kiểm tra công tác Hội 13 xã 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2024	13.600.000
	- Kinh phí dự Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và Hội nghị tổng kết năm 2024 của Hội NCT tỉnh Bình Phước	5.000.000
	- Kinh phí tổ chức Tập huấn công tác Hội ở cơ sở và xây dựng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau năm 2024	22.820.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị kỷ niệm Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam 06/6/2024	33.650.000
	- Kinh phí tổ chức đoàn đi kiểm tra các mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau	6.600.000
	- Kinh phí tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10/2024 và phát động Tháng hành động vì người cao tuổi.	18.750.000
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị biểu dương Người cao tuổi tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở giai đoạn 2019-2024	27.300.000
	- Kinh phí tổ chức Hội thi văn nghệ người cao tuổi huyện	36.330.000
<b>12</b>	<b>Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin</b>	<b>364.299.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>182.199.000</b>
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	182.199.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>182.100.000</b>
	- Kinh phí trang bị 01 máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy in	10.000.000
	- Kinh phí đi vận động và làm việc với các đoàn từ thiện	18.600.000
	- Kinh phí tuyên truyền tháng hành động vì nạn nhân chất độc Da cam	6.500.000
	- Kinh phí tổ chức hội nghị 63 năm ngày thảm họa da cam Việt Nam	23.300.000

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Kinh phí rà soát nạn nhân	8.450.000
	- Kinh phí thẻ đeo, huy hiệu, phiếu thông tin cho hội viên	6.600.000
	- Kinh phí trao nhà, trao bò, trao giếng nước cho hội viên khó khăn	8.500.000
	- Kinh phí dự hội nghị tuyên dương nạn nhân vượt khó vươn lên trong cuộc sống tại tỉnh hội	2.250.000
	- Kinh phí sơ kết 9 năm công tác phối hợp với các đoàn thể huyện trong việc thực hiện chỉ thị số 43/CT-TW ngày 14/5/2015 của Ban Bí thư TW Đảng	14.700.000
	- Kinh phí mua bảng thống kê tổ chức Hội, bảng thống kê hội viên là nạn nhân và bảng trưng bày hình ảnh hoạt động của hội	7.500.000
	- Kinh phí kiểm tra công tác Hội 13 xã 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2024	5.200.000
	- Kinh phí tiếp đón đoàn từ thiện về khám chữa bệnh cho nạn nhân, cấp thuốc	47.500.000
	- Kinh phí tham dự ngày thảm họa Da cam; cấp quà ngày thảm họa Da cam, ngày Tết nguyên Đán	8.000.000
<b>13</b>	<b>Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ</b>	<b>500.000.000</b>
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>500.000.000</b>
	- Hỗ trợ kinh phí chăm sóc sức khỏe cán bộ	500.000.000
<b>14</b>	<b>Hội bảo trợ trẻ em nghèo và người tàn tật</b>	<b>455.350.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>321.625.000</b>
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	321.625.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>133.725.000</b>
	- Kinh phí trang bị 01 máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy in	10.000.000
	- Kinh phí tham gia tập huấn tại Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk năm 2023	14.500.000
	- Kinh phí vận động quà tết cho đồng bào nghèo	2.600.000
	- Kinh phí khảo sát đơn xin trợ giúp	16.000.000
	- Kinh phí tham dự hội thao NKT tỉnh Bình Phước	27.000.000
	- Kinh phí in bảng mê ca, băng rôn trao nhà tình thương	12.600.000
	- Kinh phí thăm mạnh thường quân và vận động quỹ hỗ trợ cho NKT - TMC - BNN	8.000.000
	- Kinh phí mua khung giấy ghi nhận và in giấy ghi nhận	6.750.000
	- Kinh phí tổng kết công tác Hội năm 2024	21.275.000
<b>15</b>	<b>Hội người mù</b>	<b>353.837.000</b>
*	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>205.387.000</b>

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN
1	2	3
	- Hỗ trợ lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động	205.387.000
*	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>148.450.000</b>
	- Kinh phí tổng kết công tác Hội năm 2023	8.550.000
	- Kinh phí mua 01 bộ máy vi tính	15.000.000
	- Kinh phí trang bị 01 máy in	10.000.000
	- Kinh phí mở lớp học định hướng cho hội viên khiếm thị	13.800.000
	- Kinh phí họp giao ban định kỳ	6.800.000
	- Kinh phí dự sơ kết, tổng kết hội tại tỉnh hội	2.800.000
	- Kinh phí đón tiếp đoàn từ thiện khám và phát quà cho hội viên	16.000.000
	- Kinh phí đi thăm và vận động quà cho hội viên khó khăn	8.800.000
	- Kinh phí họp mặt kỷ niệm ngày thành lập Hội người mù Việt Nam (17/4/1969 - 17/4/2024)	9.700.000
	- Kinh phí tổng kết công tác Hội năm 2024	11.000.000
	- Hỗ trợ kinh phí chuyên môn khác	40.000.000
	- Kinh phí tham dự Đại hội Hội người mù tỉnh Bình Phước	6.000.000
<b>IX</b>	<b>CHI QUỐC PHÒNG-AN NINH</b>	<b>13.380.796.000</b>
<b>1</b>	<b>Công an huyện</b>	<b>1.632.937.000</b>
*	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>1.632.937.000</b>
	- Tặng quà tranh thủ trong già làng, trưởng bản và người có uy tín	60.000.000
	- Vòng hoa viếng NTLS dịp lễ, tết, quà, hoa tặng cho các giáo xứ, chùa trên địa bàn huyện	8.000.000
	- Kinh phí tập huấn tổ ANND	70.000.000
	- Kinh phí phòng chống tội phạm về ma túy (tuyên truyền, đấu tranh các chuyên án, triệt phá các tụ điểm,...)	150.000.000
	'- Kinh phí tập huấn phòng cháy chữa cháy	70.000.000
	- Kinh phí tổ chức diễn tập PCCC	120.000.000
	- Kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ	52.000.000
	- Kinh phí đấu tranh chuyên án	200.000.000
	- Kinh phí thực hiện chuyên hóa địa bàn	60.000.000
	- Kinh phí trang bị 05 bộ thiết bị thu nhận hồ sơ định danh điện tử; 03 máy quét mã vạch	74.437.000
	- Kinh phí tuyên truyền cài đặt ứng dụng VneID, thao tác định danh điện tử mức 1, mức 2 đăng ký dịch vụ công	37.500.000
	- Kinh phí tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại công an huyện năm 2023	16.000.000

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	- Kinh phí hỗ trợ cán bộ 05 tổ thu nhận định danh điện tử Công an huyện trực tiếp thực hiện thu nhận định danh điện tử cho công dân	45.000.000
	'- Kinh phí phục vụ tuyển công dân có thời hạn trong CAND	20.000.000
	- Kinh phí diễn tập phòng thủ A2	200.000.000
	- Kinh phí thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng	50.000.000
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được địa phương giao	200.000.000
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính năm 2024	200.000.000
<b>2</b>	<b>Ban chỉ huy quân sự</b>	<b>11.247.859.000</b>
<b>*</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>11.247.859.000</b>
	- Hội nghị triển khai, hội nghị tổng kết công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự	7.900.000
	- Hội nghị triển khai, hội nghị tổng kết công tác giáo dục Quốc phòng- an ninh	7.900.000
	- Hội nghị triển khai nhiệm vụ quân sự Quốc phòng địa phương	14.600.000
	- Hội thi cán bộ giảng dạy chính trị giỏi	8.000.000
	- Hội thi tìm hiểu luật nghĩa vụ quân sự	7.000.000
	- Hội thi bí thư chi đoàn quân sự giỏi	5.780.000
	- Hội thi nhận thức pháp luật về DQTV năm 2024	14.000.000
	- Kinh phí tổ chức tập huấn, tổng kết cho lực lượng chính trị nòng cốt	10.360.000
	- Kinh phí trợ cấp cho tiểu đội DQTT của huyện	2.792.159.000
	- Kinh phí trả phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ DQTV của huyện	238.464.000
	- Kinh phí bảo đảm cho cán bộ áp (sóc) đội trưởng, tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng, trung đội trưởng, cán bộ đại đội trưởng DQTV tham gia tập huấn, huấn luyện	334.420.000
	- Kinh phí bảo đảm cho Chỉ huy trưởng, chỉ huy phó, chính trị viên, chính trị viên phó BCHQS 13 xã, 4 cơ quan tập huấn, huấn luyện năm 2024 tại trường Quân sự địa phương (xã Tân Thành- TX. Đồng Xoài- Bình Phước)	158.978.000
	- Kinh phí huấn luyện 14 tiểu đội tự vệ tại chỗ	338.592.000
	- Kinh phí huấn luyện các đơn vị dân quân, tự vệ tại Ban CHQS huyện	1.903.739.000
	- Kinh phí Huy động huấn luyện DQTV năm thứ nhất tại Ban CHQS huyện biên chế cho các đơn vị dân quân, tự vệ toàn huyện	2.096.513.000
	- Kinh phí Huấn luyện nâng cao cho lực lượng DQTV của huyện tham gia hội thi cấp tỉnh, đi bắn tại trường bắn Quốc gia khu vực III	337.303.000
	- Kinh phí tổ chức bắn kiểm tra cho DQTT, tự vệ học sinh, sinh viên trên địa bàn năm 2024	117.140.000



<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	- Kinh phí hỗ trợ mật phí nghiệp vụ trinh sát, quân báo nhân dân năm 2024	599.110.000
	- Kinh phí Công tác Phòng không, Pháo binh năm 2024	51.400.000
	- Kinh phí đăng ký nghĩa vụ quân sự	184.550.000
	- Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự	6.700.000
	- Kinh phí bảo đảm lễ giao nhận quân	364.851.000
	- Kinh phí thăm tặng quà cho chiến sỹ mới	148.400.000
	- Kinh phí nhiệm vụ quốc phòng địa phương giao	1.500.000.000
<b>3</b>	<b>An ninh đối ngoại</b>	<b>500.000.000</b>
<b>X</b>	<b>CHI KHÁC NGÂN SÁCH</b>	<b>4.487.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>	<i>2.000.000.000</i>
<b>1</b>	<b>Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>*</b>	<b>Kinh phí không tự chủ</b>	<b>2.000.000.000</b>
	- Vốn ủy thác ngân sách địa phương cho vay các đối tượng chính sách theo CT 40-CT/TW của BCH TW	2.000.000.000
<b>C</b>	<b>CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG</b>	-
<b>E</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>13.377.000.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>648.550.675.000</b>